

Số: /BC-STC

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 06/2023 VÀ CÔNG TÁC**  
**QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SẢN THÁNG 06/2023**

**I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 06/2023:**

**- Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.**

Theo số liệu Cục Thống kê cung cấp, chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (CPI) tháng 06/2023 tăng 0,39% so với tháng trước (Trong đó: khu vực thành thị tăng 0,09% so với tháng trước; khu vực nông thôn tăng 0,50% so với tháng trước).

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, tháng 06/2023 có 9 nhóm tăng giá, 2 nhóm giữ giá ổn định:

- Có 9/11 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, cụ thể như sau:

- + Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,75%;
- + Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,05%;
- + Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,07%;
- + Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 0,33%;
- + Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,47%;
- + Nhóm giao thông tăng 0,15%;
- + Nhóm Bưu chính viễn thông tăng 0,01%;
- + Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,02%.
- + Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,14%.

- Có 2/11 nhóm hàng giữ giá ổn định so với tháng trước, cụ thể:

- + Nhóm thuốc và dịch vụ y tế ;
- + Nhóm giáo dục;

Chỉ số giá tiêu dùng, Vàng và Đôla Mỹ tháng 06/2023 (số liệu của Cục Thống kê tỉnh):

Tên nhóm	So với cùng kỳ tháng năm trước (%)	So với tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
- Chỉ số giá chung:	103,94	100,39	104,65
- Chỉ số giá lương thực:	108,32	101,12	106,66
- Chỉ số giá thực phẩm:	101,61	100,95	103,01
- Chỉ số hàng hóa và các	105,17	100,14	103,62

Tên nhóm	So với cùng kỳ tháng năm trước (%)	So với tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
dịch vụ khác:			
+ Chỉ số giá vàng:	101,40	99,04	100,04
+ Chỉ số Đôla Mỹ:	101,35	100,10	102,94

**- Phân tích cụ thể.**

**1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống:**

**a. Lương thực:**

- Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 6/2023 tăng 1,12% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 1,29% do khí hậu biến đổi làm ảnh hưởng tới năng suất cây trồng, giá gạo xuất khẩu tăng đẩy giá tăng. Giá gạo tẻ thường Khang Dân dao động từ 15.500-16.000 đồng/kg; giá gạo tẻ Xi Dẻo từ 15.000-17.000 đồng/kg;

**b. Thực phẩm:**

- Giá thực phẩm tháng 6/2023 tăng 0,95% so với tháng trước chủ yếu tập trung ở giá thịt gia súc tăng 3,18%, thịt lợn tăng 4,79% do nguồn cung đang giảm sút trong khi sức mua tăng trở lại;

- Giá thịt gia cầm tăng 0,47% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng;

- Giá rau tươi, khô và chế biến tăng 1,30% do nguồn cung giảm.

**2. Đồ uống và thuốc lá:**

Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,05% so với tháng trước do chi phí nguyên liệu chế biến và giá vận chuyển tăng dẫn đến giá thuốc hút tăng.

**3. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng:**

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 06/2023 tăng 0,33% so với tháng trước. Diễn biến giá một số mặt hàng trong nhóm như sau:

- Nhà ở thuê tăng 0,87% do lãi suất cho vay mua nhà tăng khiến nhu cầu người dân chuyển sang thuê nhà tăng, ngoài ra xu hướng đô thị hoá ngày càng cao dân nhập cư vào trung tâm nhiều kéo theo giá nhà cho thuê tăng.

- Giá gas từ ngày 01/06/2023 điều chỉnh giảm 35.000đ/bình/12kg so với tháng trước do giá gas trong nước phụ thuộc vào diễn biến thế giới và điều chỉnh theo mức tương ứng.

- Giá xăng, dầu điều chỉnh vào các ngày 01/6/2023, 12/6/2023, 21/6/2023. Ngày 12/06/2023 (Vùng 1) giá xăng, dầu Petrolimex như sau:

STT	Mặt hàng	Đơn giá (đồng/ lít)
1	Xăng 95-V	22.890
2	Xăng 95-III	22.010
3	Xăng sinh học E5 RON 92-II	20.870
4	Diesel 0,001S-V	18.700

STT	Mặt hàng	Đơn giá (đồng/ lít)
5	Diesel 0,05S-II	18.020
6	Dầu hỏa dân dụng	17.820

#### 4. Thiết bị và đồ dùng gia đình:

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 6/2023 tăng 0,47% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng.

#### 5. May mặc, mũ nón, giày dép:

Chỉ số nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 6/2023 tăng 0,07% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng.

#### 6. Giao thông:

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 6/2023 tăng 0,15% so với tháng trước, chủ yếu điều chỉnh do giá xăng, dầu.

#### 7. Bưu chính viễn thông:

Giá nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,01% so với tháng trước do các cửa hàng cắt, giảm chương trình khuyến mãi.

#### 8. Văn hóa, giải trí và du lịch:

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí, du lịch tăng 0,02% do nhu cầu và chi phí nhân công tăng.

#### 9. Hàng hóa và dịch vụ khác:

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 06/2023 tăng 0,14% tập trung ở nhóm đồ dùng cá nhân tăng 0,39%, giá dịch vụ về hiếu hỉ tăng 0,57% do chi phí vận chuyển, chi phí nhân công, nhu cầu tăng.

#### 10. Giá vàng và Đôla Mỹ:

- Giá vàng tháng này giảm 0,96% so với tháng trước, tăng 1,40% so với cùng kỳ năm trước do giá vàng biến động theo giá vàng thế giới.

- Đồng đô la Mỹ tăng so với tháng trước, chỉ số tháng này là 100,10% tăng 0,10% so với tháng trước và tăng 1,35% so với cùng kỳ năm trước.

Diễn biến cụ thể giá vàng và đô la Mỹ trong tháng 06/2023 như sau:

(ĐVT: ngàn đồng/lượng, đồng/USD)

I	Vàng SJC thẻ	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày
		03/06	10/06	19/06	26/06
1	Mua vào	66.350	66.550	66.450	66.400
2	Bán ra	67.080	67.180	67.080	67.030
II	Vàng 99,99 nhẫn	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày
		03/06	10/06	19/06	26/06
1	Mua vào	55.550	55.550	55.650	55.500
2	Bán ra	56.500	56.500	55.650	56.500

<b>III</b>	<b>Đôla Mỹ: NH (Vietcombank)</b>	<b>Ngày 03/06</b>	<b>Ngày 10/06</b>	<b>Ngày 19/06</b>	<b>Ngày 26/06</b>
1	Mua vào	23.310	23.310	23.350	23.360
2	Bán ra	23.650	23.650	23.690	23.700

## **II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ - CÔNG SẢN THÁNG 06/2023:**

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất: (Luỹ kế: 6 hồ sơ);
- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: 1 hồ sơ (Luỹ kế: 2 hồ sơ);
- Thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất: 4 hồ sơ (Luỹ kế: 7 hồ sơ);
- Xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp: (Luỹ kế 4 hồ sơ);
- Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán các dự án: (Luỹ kế 3 hồ sơ);
- Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP: (Luỹ kế 7 hồ sơ);
- Tham mưu UBND tỉnh thuận chủ trương thanh lý, điều chuyển và phê duyệt giá khởi điểm tài sản, xe ô tô theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị: (Luỹ kế: 6 hồ sơ);
- Báo cáo Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: (Luỹ kế: 8 hồ sơ);
- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu sung quỹ Nhà nước: 1 hồ sơ (Luỹ kế: 3 hồ sơ);
- Ban hành kết luận định giá tài sản theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: (Luỹ kế 11 hồ sơ);
- Thẩm định dự thảo quyết định của UBND tỉnh: (Luỹ kế: 3 hồ sơ);
- Báo cáo tình hình thực hiện các Luật, Nghị định, Thông tư, quy định; 3 hồ sơ (Luỹ kế: 12 hồ sơ);
- Báo cáo tình hình giá cả thị trường hằng tháng theo quy định tại Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính: 1 hồ sơ (Luỹ kế: 5 hồ sơ);
- Nhận hồ sơ kê khai giá, đăng ký giá;
- Góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung khác theo đề nghị của đơn vị: 05 hồ sơ (Luỹ kế: 26 hồ sơ);
- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác theo thời gian quy định: (Luỹ kế 4 hồ sơ);
- Kết luận định giá tài sản theo yêu cầu: (Luỹ kế: 11 hồ sơ);

- Tham gia định giá tài sản theo đề nghị của Toà án tỉnh, phối hợp định giá tài sản vi phạm hành chính để xác định khung hình phạt, thẩm quyền xử phạt theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền và xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền do cơ quan thi hành án cấp tỉnh chuyển giao.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 06/2023 và công tác quản lý giá công sản tháng 06/2023 của Sở Tài chính Bình Phước./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý giá;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tài chính các tỉnh: Bình Dương;  
Tây Ninh; Đắk Nông; Bình Thuận;  
Ninh Thuận.
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng TC - KH các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, Phòng QLГ-CS (Ánh).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**